

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/ HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bạch Bích

Các hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Nhân

bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 20 tháng 03 năm 2026 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Vũ Thị M, sinh năm 1988

Nơi thường trú: tổ B, khu Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

*** Bị đơn:** anh Trần Văn H, sinh năm 1987

Nơi thường trú: tổ B, khu Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- chị Vũ Thị M trình bày:

Chị M và anh Trần Văn H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường T, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại tổ B, khu Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

Cuộc sống chung của vợ chồng chị hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tôn trọng chị, thường uống rượu về vô cớ chửi bới, xúc phạm chị. Chị cũng nhiều lần góp ý với anh H, mong muốn cải thiện được tình cảm vợ chồng, nhưng anh H không thay đổi. Ngoài mâu thuẫn với chồng thì chị còn có mâu thuẫn với bố mẹ chồng và gia đình anh trai chồng. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã đưa hai con ra ngoài thuê nhà ở từ tháng 11/2025, vợ chồng chị ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay chị

nhận thấy tình cảm của chị với anh H không còn, cuộc sống gia đình vô cùng bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Minh V, sinh ngày 18/11/2012 và Trần Minh C, sinh ngày 19/10/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 15/12/2025 anh H có quan điểm thừa nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như chị M đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc tháng 11/2025 chị M đưa 2 con ra ngoài thuê nhà ở. Anh cũng khuyên chị M suy nghĩ lại, quay về cùng anh xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị M có đơn xin ly hôn, mặc dù anh mong muốn hàn gắn tình cảm với chị M, nhưng nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Quá trình chung sống, anh và chị M có hai con chung là Trần Minh V và Trần Minh C như chị M đã trình bày. Hiện hai con chung đang ở cùng chị M. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý để chị M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng ninh đã lấy ý kiến của con chung chưa thành niên (từ đủ 7 tuổi trở lên) của chị M, anh H. Cháu Trần Minh V bày tỏ nguyện vọng trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu mong muốn được ở cùng với mẹ.

Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh đã xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của chị M, anh H tại tổ dân, khu phố nơi chị M, anh H sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy: sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh H về sống chung tại tổ B, khu Y, phường T, tỉnh Quảng Ninh. Chị M là giáo viên còn anh H làm nghề lái xe. Khoảng tháng 11/2025, không thấy mẹ con chị M ở cùng anh H nữa. Theo tìm hiểu, tổ dân khu phố được biết: do mâu thuẫn với chồng và gia đình nhà chồng nên chị M đã thuê nhà trọ gần đó và đưa hai con ra ở cùng. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H và xin nuôi hai con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/02/2026, anh H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Chị M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn chị Vũ Thị M trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn anh Trần Văn H không có mặt theo giấy

triệu tập của Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70; điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị M, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Trần Văn H có nơi thường trú tại phường T, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Trần Văn H là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Quảng Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63/2011 ngày 06/9/2011.

Theo chị M trình bày, quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn giữa chị với anh H và gia đình anh H dẫn đến vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 11/2025 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về phía anh H, trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 15/12/2025 có lời khai thể hiện: do mâu thuẫn vợ chồng nên anh và chị M đã có thời gian sống ly thân. Mặc dù anh mong muốn hàn gắn tình cảm với chị M, nhưng nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét lời khai của chị M trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của anh H tại bản tự khai như đã nêu trên là hoàn toàn phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị M, anh H sinh sống về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H.

[3] Về con chung: vợ chồng chị M, anh H có hai con chung là Trần Minh V, sinh ngày 18/11/2012 và Trần Minh C, sinh ngày 19/10/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cả hai con chung hiện đang sống cùng chị M. Mặt khác, mặc dù tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày

15/12/2025 anh H đã thể hiện quan điểm trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý để chị M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung Trần Minh V, Trần Minh C cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo lợi ích toàn diện của con. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị M và anh H không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Chị M, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; Điều 35 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị M ly hôn với anh Trần Văn H.
2. Về con chung: giao con chung là Trần Minh V, sinh ngày 18/11/2012 và Trần Minh C, sinh ngày 19/10/2019 cho chị Vũ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Vũ Thị M và anh Trần Văn H không có tài sản chung, không có công nợ chung.

4. Về án phí: chị Vũ Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002141 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Vũ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND khu vực I- Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Tuần Châu,
tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Bích